

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Phan Văn Hương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 10/06/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
49/2020/TLST – HN&GD ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19 ngày 20/5/2020 giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Văn C, sinh năm 1984.

HKTT: Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở: Số 48/20 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Chị Hà Hồng V, sinh năm 1985.

HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Anh C, Chị V đều vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03/02/2020 và đơn xin xử vắng mặt ngày 19/03/2020 anh C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện N vào tháng 11 năm 2008, sau khi kết hôn vợ chồng anh C về sống chung với nhau tại nhà bố, mẹ đẻ của chị V ở thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, thời gian vợ chồng sống chung với nhau khoảng 01 năm thì vợ chồng anh C, chị V đi Miền Nam làm ăn, sau đó đến năm 2019, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau thương xuyên cãi nhau. Từ tháng 6/2019 chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã S để ở, cũng từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với chị V.

2. Về con chung: 01 con chung là Đinh Văn K, sinh ngày 16/9/2009, hiện nay đang ở với chị V. Nếu ly hôn anh nhất trí để chị V nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Đinh Văn K mỗi tháng 1 triệu đồng đến khi đủ 18 tuổi. Ngoài ra anh để số tiền trợ cấp tàn tật hàng tháng của anh cho chị V hưởng để nuôi con chung là cháu Đinh Văn K.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến chị V: Tại bản tự khai ngày 28/02/2020 và đơn xin xử vắng mặt ngày 19/3/2020 chị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn về diễn biến quan hệ hôn nhân về con chung đúng như anh C trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi nhau mâu thuẫn kéo dài đến tháng 6/2019 vợ chồng lại tiếp tục va chạm nên chị bỏ về quê ở xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình ở từ đó sống ly thân với anh C nay anh C xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V xác định như anh C trình bày nếu ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con chung anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là Đinh Văn K mỗi tháng 1 triệu đồng đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án giai đoạn sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung ” là

đúng quy định khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn và bị đơn đúng và đầy đủ theo quy định tại điều 68, 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tài liệu, chứng cứ thực hiện đã lập biên bản và ghi đầy đủ các chứng cứ do đương sự giao nộp, việc lập biên bản đúng theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Thời hạn mở phiên tòa đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa đã tiến hành đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện gửi đơn khởi kiện và nộp án phí đúng quy định tại các điều theo điều 186, 190, 195 TTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Đinh Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đinh Văn C với chị Hà Hồng V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Văn K, sinh ngày 16/9/2009, hiện nay đang ở với chị V. cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh C 1.000.000 đồng / tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ngoài ra còn ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Văn C việc anh để số tiền trợ cấp tàn tật hàng tháng cho chị V hưởng để nuôi con chung là cháu Đinh Văn K.

3. Về án phí : Anh C được miễn nộp án phí và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về

Hôn nhân và gia đình về việc “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” giữa chị Đinh Văn C và chị Hà Hồng V .Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của anh C.Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh C đã nhận và chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình. Chị V chấp hành không đầy đủ nghĩa vụ của mình. Đến ngày 14/05/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào ngày 26 tháng 11 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp , sau khi kết hôn vợ chồng , anh C, chị V về sống chung với nhau tại nhà bố, mẹ đẻ của chị V thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, thời gian vợ chồng sống chung với nhau khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng anh C, chị V đi Miền Nam làm ăn, sau đó đến năm 2019, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 6 năm 2019 anh C và chị V sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn. Đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C. Xử lý hôn giữa anh C và chị V là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế hoàn cảnh sống cũng như điều kiện chăm sóc con của chị V cần chấp nhận nguyện vọng của chị V giao cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Văn K, sinh ngày 16/9/2009 đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh C 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ngoài ra còn ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Văn C việc anh để số tiền trợ cấp hàng tháng cho chị V hưởng để nuôi con chung là cháu Đinh Văn K. (Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về tài sản chung, về công nợ chung: Anh C và chị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Xét anh C là người khuyết tật nên anh được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

Xử. Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Đinh Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đinh Văn C và chị Hà Hồng V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Văn K, sinh ngày 16/9/2009. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh C là 1.000.000 đồng / tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Văn C việc anh để lại số tiền trợ cấp tàn tật hàng tháng cho chị Hà Hồng V hưởng để nuôi con chung là cháu Đinh Văn K.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Anh C không phải nộp.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
- UBND xã T.
- Đương sự.
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực

